

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/KDTM-PT
Ngày 24 – 4 - 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng cổ phần.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các thẩm phán: Ông Phan Văn Yên;

Bà Mai Thị Tú Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2017/TLPT-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng cổ phần”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 617/2017/KDTM-ST ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 694/2017/QĐ - PT ngày 26 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông T Konishi

Địa chỉ: 1-14, H, K, I-k 922-0482, Japan.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Kim A (có mặt).

- Bị đơn: Bà Lê Hoàng Y (vắng mặt).

Địa chỉ: đường Ng, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Bá H (vắng mặt).

Địa chỉ: đường Tr, phường T1, Quận X1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần Truyền thông mạng V

Địa chỉ: 68 đường Ng1, phường B, Quận X1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
Ông Nguyễn Hiền H1 (có mặt).

Địa chỉ: đường Đ, phường C, Quận X1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lê Hoàng Y, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần truyền thông mạng V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2010 cùng các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của người đại diện của nguyên đơn:

Bà Lê Hoàng Y (bà Y) là cổ đông sáng lập kiêm Tổng Giám đốc (TGD) Công ty Cổ phần Truyền thông mạng V (viết là V Media) được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (SKHĐT) cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (GCNĐKKD) số 4103008966 ngày 03/01/2008, vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng) tương đương 1.000.000 cổ phần, người đại diện theo pháp luật là bà Y. Bà Y nắm giữ 85% tổng số cổ phần, gồm 850.000 cổ phần của V Media.

Ngày 19/01/2010, bà Y ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần (HĐCNCP) cho ông T Konishi 10% tổng số cổ phần của V Media trong số cổ phần do bà Y sở hữu, tương đương 100.000 cổ phần phổ thông với giá 75.200USD.

Theo yêu cầu của bà Y, ông T đã chuyển số tiền 75.200USD từ tài khoản của ông tại Nhật Bản vào tài khoản của bà Y tại Việt Nam. Tuy nhiên sau khi hoàn thành việc thanh toán số tiền chuyển nhượng cổ phần và trở thành cổ đông của V Media, cụ thể là tên của ông T đã được đăng ký xác nhận trong sổ đăng ký cổ đông và cấp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần của V Media, nhưng sau 8 tháng, ông T chưa nhận được bất kỳ thông tin, báo cáo nào liên quan đến tình trạng hoạt động, tài chính, lợi nhuận của V Media, mặc dù ông T đã nhiều lần yêu cầu bà Y cung cấp.

Ngoài ra, theo quy định của Luật Doanh nghiệp Việt Nam, bà Y và V Media có nghĩa vụ phải đăng ký tên của ông T vào danh sách cổ đông với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên, đến khi ông T khởi kiện, bà Y và V Media vẫn chưa thực hiện. Ông T đã nhiều lần liên lạc và làm việc với bà Y và đại diện của V Media để yêu cầu trả lời cho những vấn đề nêu trên, nhưng không nhận được sự hợp tác từ bà Y và đại diện V Media.

Từ những sự việc nêu trên, ông T thấy rằng bà Y và đại diện V Media đã không thực hiện đúng các nghĩa vụ theo cam kết của mình trong các thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần cũng như quy định của pháp luật trong việc đăng ký cổ đông mới. Điều này đã gây thiệt hại to lớn cho ông T vì mục đích đầu tư không đạt được. Vì vậy, ngày 25/8/2010, ông T đã chính thức gửi thư yêu cầu bà Y hoàn trả lại cho ông toàn bộ số tiền 1.464.896.000 đồng tương

đương với 75.200USD trước ngày 30/9/2010. Tuy nhiên, bà Y đã không thực hiện.

Ông T yêu cầu bà Y phải hoàn trả cho ông T khoản tiền chuyển nhượng cổ phần là 1.464.896.000 đồng tương đương với 75.200USD.

Ngày 16/9/2011, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ Biên bản hòa giải thành lập ngày 08/9/2011, đã ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, số 1752/2011/QĐST-KDTM ngày 16/9/2011, nội dung:

Bà Lê Hoàng Y cùng với Công ty cổ phần truyền thông mạng V có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông T Konishi số tiền là 75.200 USD (thanh toán bằng tiền đồng Việt Nam tại thời điểm thanh toán).

Thời hạn thanh toán như sau:

- Đợt 1: Chậm nhất đến ngày 30/12/2011, thanh toán 10.000,00 USD.
- Đợt 2: Chậm nhất đến ngày 30/03/2012, thanh toán 11.000,00 USD.
- Đợt 3: Chậm nhất đến ngày 30/06/2012, thanh toán 11.000,00 USD.
- Đợt 4: Chậm nhất đến ngày 30/09/2012, thanh toán 11.000,00 USD.
- Đợt 5: Chậm nhất đến ngày 30/12/2012, thanh toán 11.000,00 USD.
- Đợt 6: Chậm nhất đến ngày 30/03/2013, thanh toán 11.000,00 USD.
- Đợt 7: Chậm nhất đến ngày 30/06/2013, thanh toán 10.200,00 USD.

Án phí sơ thẩm là 29.500.752 đồng, bà Lê Hoàng Y phải chịu 14.750.376 đồng, nộp tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông T Konishi chịu 14.750.376 đồng và được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.937.440 đồng theo Biên lai thu tiền số 018259 ngày 15/11/2010 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Ông T Konishi được nhận lại số tiền 13.223.064 đồng.

Kể từ khi ông T Konishi có đơn yêu cầu thi hành án, bà Lê Hoàng Y cùng với Công ty cổ phần truyền thông mạng V chưa thi hành xong, thì phải trả lãi, theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thi hành án, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngày 29/4/2014, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 755/TATP-TKT đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị quyết định công nhận sự thỏa thuận nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị số 50/KN-KDTM ngày 04/9/2014, Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao kháng nghị Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 1752/2011/QĐST-KDTM ngày 16/9/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, lý do biên bản hòa giải ngày 08/9/2011 chỉ có chữ ký của Thẩm phán và Thư ký, Biên bản hòa giải thành ngày 08/09/2011 chỉ có chữ ký của Thẩm phán, không đóng dấu của Tòa án, một phần của Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 1752/2011/QĐST-KDTM ngày 16/9/2011 không có trong biên bản hòa giải ngày 08/9/2011; Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân Tối cao xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 1752/2011/QĐST-KDTM ngày 16/9/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại theo quy định pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 01/KDTM-GĐT ngày 27/01/2015 của Tòa Kinh tế - Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định: Hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 1752/2011/QĐST-KDTM ngày 16/9/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại.

Trong thời gian Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 1752/2011/QĐST-KDTM có hiệu lực chưa bị kháng nghị và tạm đình chỉ việc thi hành án, Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đã chủ động thi hành các khoản thu án phí của ông T và bà Y; Hoàn trả tạm ứng án phí sơ thẩm cho ông T. Bà Y cũng đã chuyển tiền trả cho ông T khoản tiền 210.360.000 đồng tại HSBC Bank (Viet Nam) LTD tương đương 10.000USD vào ngày 05/01/2012.

Ngày 19/3/2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý lại sơ thẩm vụ án, số thụ lý 24/2015/KDTM-ST.

Ngày 24/11/2015, ông T Konishi đã nộp lại tạm ứng án phí KDTMST, số tiền là 27.320.400 đồng theo Biên lai số AG/2010/09645 ngày 24/11/2015 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 03/02/2016, bà Y thanh toán tiền đầu tư của ông T vào V Media số tiền 100.000.000 đồng quy đổi ra VND tương đương 4.500USD thông qua người đại diện của ông T là bà Phạm Kim A tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Sài Gòn.

Nay ông T yêu cầu bà Y và V Media có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông T Konishi số tiền còn lại là 60.700USD, ngay sau khi án có hiệu lực. Thanh toán bằng VND theo tỷ giá lúc thanh toán. Yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán cổ phần ngày 19/01/2010 ký giữa V Media do bà Y đại diện với ông T vô hiệu do giao dịch bằng ngoại tệ, vi phạm quy định pháp luật về quản lý ngoại hối.

Bị đơn bà Lê Hoàng Y và thông qua người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Lê Hoàng Y xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 65.200USD sau khi đã thanh toán lần đầu với số tiền 10.000USD vào ngày 05/01/2012. Tuy nhiên, bà Y không đồng ý trả số tiền còn lại nói trên, vì phải căn trừ vào các khoản ông T còn nợ bà là 3.276.000 Yên Nhật; 10.500USD tiền sử dụng mặt bằng tại địa chỉ số đường Ng3, Quận X1; tiền chi phí bị đơn hướng dẫn nguyên đơn đi khảo sát thị trường từ tháng 6/2009 đến tháng 01/2010 là 10.000USD. Toàn bộ số tiền ông T còn nợ đã được bà Y khởi kiện trong 1 vụ án khác.

Tại đơn khởi kiện ngày 07/3/2016 do bà Y gửi có trong hồ sơ, bà Y xác định khởi kiện ông T với nội dung: Tháng 12/2009, ông T với tư cách là nhà môi giới đầu tư từ Nhật Bản đã gặp bà tại Thành phố Hồ Chí Minh và bàn bạc về việc hợp tác đầu tư. Đến tháng 01/2010, ông T đã ký hợp đồng mua cổ phần của bà trong V Media để cùng nhau hợp tác làm ăn. Trong thời gian này bà có khách hàng muốn quảng cáo về du lịch Việt Nam tại 45 ga tàu điện ngầm tại Tokyo và ông T đã giới thiệu bà đặt hàng với Công ty người thân quen của ông chuyên làm quảng cáo ngoài trời ở Tokyo là Công ty K Inc. Ông T đã tự thương lượng giá cả với Công ty K và hứa với bà rằng nếu quảng cáo ngoài trời tại Tokyo được ký kết với Công ty K, thì bà sẽ được hưởng một khoản hoa hồng là 3.276.000 Yên Nhật tương đương 36.400USD tại thời điểm tháng 6/2010. Trong suốt quá trình giao dịch hợp đồng quảng cáo với Công ty Koa-Sha, chỉ có ông T là người duy nhất giao dịch thương lượng với bà về giá cả, hợp đồng, hoa hồng. Ông T là người hứa hẹn về khoản hoa hồng mà bà được nhận chứ không phải Công ty K là người hứa. Do ông T đã mua cổ phần của bà để đầu tư làm ăn chung với nhau nên bà hoàn toàn tin tưởng ông T. Tuy nhiên sau khi hợp đồng thực hiện xong, ông T không thanh toán hoa hồng cho bà như lời hứa mà tiếp tục thương lượng để trừ tiền hoa hồng của bà vào các khoản chi phí mà ông tự ý chi không có sự đồng ý của bà. Bà không đồng ý theo yêu cầu vô lý của ông T; Tháng 7/2010, ông T tuyên bố đòi tiền mua cổ phần lại, ông đã kiện bà để đòi lại tiền mua cổ phần của bà trong V Media. Trong vụ ông T kiện bà đòi lại tiền mua cổ phần, bà đã thương lượng yêu cầu ông T hoàn trả khoản tiền hoa hồng nêu trên nhưng ông T không đồng ý. Bà yêu cầu ông T thực hiện trách nhiệm của mình trong giao dịch mà ông đã cam kết với bà. Hoàn trả lại cho bà số tiền 36.400USD hoa hồng như ông đã hứa trong các email của ông hoặc số tiền này sẽ được căn trừ vào khoản tiền còn lại mà bà sẽ thanh toán cho ông T trong hợp đồng mua bán cổ phần giữa bà và ông T.

Bà thừa nhận bà có bán cho ông T 100.000 cổ phiếu của V Media thuộc sở hữu của bà, bằng 75.200 USD tương đương 1.464.896.000 đồng. Nay ông T không mua nữa thì bà đồng ý mua lại cổ phiếu đã bán cho ông T trong thời hạn 3 năm.

Tại văn bản trình bày đề ngày 11/11/2016 ông Vũ Hồng Th người đại diện theo ủy quyền của bà Y trình bày: bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi những lý do và căn cứ sau đây:

Thứ nhất, chủ thể chuyển nhượng cổ phần cho nguyên đơn không phải là cá nhân bà Y mà là V Media. Chủ thể tham gia ký kết hợp đồng mua bán cổ phần của V Media ngày 19/01/2010 giữa một bên là V Media, bên kia là ông T. Bà Y chỉ là đại diện theo pháp luật của V Media vào thời điểm ký kết hợp đồng. Do đó, căn cứ vào hợp đồng mua bán cổ phần ngày 19/01/2010 thì ông T phải khởi kiện V Media và V Media được xác định là bị đơn, bà Y có thể là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ông cho rằng nguyên đơn đã kiện sai đối tượng. Tòa án khi thụ lý đã không xem xét đơn một cách thấu đáo để yêu cầu đương sự sửa đổi, bổ sung đơn kiện. Đề nghị Tòa án xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án để xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của bà Y. Các căn cứ chứng minh:

- Tiêu đề của Hợp đồng ngày 19/01/2010: Hợp đồng mua bán cổ phần của V Media;

- Các bên tham gia ký hợp đồng: bên A: V Media; Bên B: ông T;

- Nội dung hợp đồng thể hiện : ông T muốn mua 10% cổ phần của V Media;

Điều kiện: V Media có các nghĩa vụ như: Cung cấp bảng cân đối kế toán, sổ cổ đông chia lợi nhuận...”

Điều khoản thi hành: Hợp đồng ngày 19/01/2010 thay thế tất cả những thỏa thuận, những hợp đồng, những bàn bạc, nhất trí trước đó”.

Như vậy, Hợp đồng ngày 19/01/2010 là văn bản có giá trị ràng buộc cao nhất về quyền và nghĩa vụ giữa V Media và ông T tính đến ngày 19/01/2010. Nguyên đơn đã không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào có giá trị pháp lý chứng minh cá nhân bà Y đã ký hợp đồng mua bán cổ phần với ông T.

Về thanh toán: việc ông T chuyển tiền mua cổ phần của V Media vào tài khoản cá nhân của bà Y là thực hiện theo sự chỉ định của bên bán - V Media. Việc thanh toán này không phải là chứng cứ xác định có giao dịch mua bán giữa cá nhân bà Y và ông T, Ngay sau khi ông T thanh toán, V Media đã phát hành danh sách cổ đông, trong đó có ghi tên ông T sở hữu 10% cổ phần, tương đương 100.000 cổ phiếu đúng như cam kết trong hợp đồng chuyển nhượng ngày 19/01/2010 và sổ cổ đông này đã được giao cho ông T để ông T thực hiện các quyền của cổ đông trong V Media.

Thứ hai, quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát sinh từ các cổ phần chuyển nhượng được điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp.

Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng, thì ông T đã trở thành cổ đông và đã được ghi tên vào danh sách cổ đông của V Media. Vì vậy, ông T có các quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông V Media. Nếu cho rằng từ khi trở thành cổ đông, ông T không nhận được bất kỳ thông tin, báo cáo tài chính cũng như trích chia cổ tức từ hoạt động của V Media thì ông T có quyền khởi kiện V Media để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ. Đây là tranh chấp giữa cổ đông Công ty

và Công ty, hoàn toàn không liên quan đến bà Y. Chứng cứ là: Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông V Media ngày 11/01/2010;

Quyết định số 02/2010/QĐ -V Media ngày 11/01/2010 của Đại hội đồng cổ đông V Media;

Trên những cơ sở căn cứ đã trình bày: Kiến nghị Tòa án xem xét những vấn đề sau:

1. Xác định lại địa vị tham gia tố tụng của bà Y không phải là bị đơn trong vụ án này;

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bà Y;

3. Yêu cầu nguyên đơn trả lại cho bà Y số tiền đã thanh toán:

+ Đợt 1: ngày 05/01/2012 số tiền 10.000USD tương đương 210.360.000 đồng;

+ Đợt 2: Ngày 04/02/2016 số tiền 100.000.000 đồng.

Tổng cộng 310.360.000 đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Hiền H1 đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần truyền thông mạng V trình bày tại văn bản ngày 15/12/2016: "...khoảng tháng 10/2010 ông T thông qua người quen giới thiệu đã tự đến văn phòng V Media gặp bà Y nói muốn mua cổ phần của V Media để nhằm phát triển kinh doanh của Công ty ở Việt Nam và nhất là thị trường Nhật Bản. Bà Y đồng ý nhường lại một phần cổ phần do bà nắm giữ cho ông T Konishi. Tuy nhiên, sau đó ông T thay đổi và yêu cầu ông phải là cổ đông sáng lập của Công ty và ông chỉ muốn mua cổ phần trực tiếp từ V Media chứ không muốn mua cổ phần từ cá nhân bà Y. Vì V Media đang rất cần một đối tác là người nước ngoài nhất là Nhật để Công ty có thể phát triển kinh doanh nên ngày 11/01/2010 các cổ đông sáng lập đã họp và có biên bản số 02 thể hiện sự nhất trí về việc bà Y sẽ nhường lại cho V Media 100.000 cổ phần của cá nhân bà Y để V Media làm thủ tục nhượng lại cho ông T và đăng ký cho ông T là cổ đông sáng lập của V Media. Ngày 19/01/2010, giữa V Media và ông T đã lập bản hợp đồng mua cổ phần của V Media, trong đó V Media là bên bán và ông T là bên mua. Số lượng cổ phần sang nhượng là 100.000 cổ phần. Ngay sau khi ông T chuyển tiền (V Media ủy quyền cho bà Y nhận số tiền này vì thực chất cổ phần là của bà Y). V Media đã cấp cho ông T một tờ giấy chứng nhận cổ đông tạm thời nhưng có giá trị xác nhận rằng ông T đã chính thức là cổ đông của V Media, chỉ còn làm các thủ tục chính thức với các cơ quan nhà nước nhằm thay đổi giấy phép hoạt động để ông T chính thức có tên và là đồng sáng lập của V Media. V Media theo yêu cầu của ông T đã phải bỏ tiền ra ký hợp đồng hợp tác với Sở Văn hóa thông tin Thành phố Hồ Chí Minh nhận và bỏ toàn bộ kinh phí cải tạo sửa chữa lại toàn bộ tòa nhà tại đường Ng3, Quận X1, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tòa nhà thuộc diện nhà cổ của thành phố nên đã hư hỏng

hoàn toàn; V Media đã sửa sang lại toàn bộ, chính ông T cũng về đây làm việc trong một thời gian.

Vì muốn làm xong thủ tục và chính thức để ông T là cổ đông sáng lập, có tên trong danh sách V Media, nên nhiều lần V Media nhắc ông T cung cấp hộ chiếu hoặc bản sao hộ chiếu có dịch và sao y cùng các giấy tờ cần thiết khác của ông T để V Media có thể tiến hành thay đổi giấy phép. Ông T nhiều lần hẹn nhưng V Media không nhận được bất cứ giấy tờ nào của ông T, sau đó ông T lặng lẽ dọn đồ đạc của ông trong văn phòng tại đường Ng3 và bỏ đi. Đến năm 2011 ông làm đơn khởi kiện bà Y ra tòa để đòi lại tiền đã nộp để nhận 100.000 cổ phần V Media. Từ đầu đến cuối V Media đã rất có thiện chí và rất muốn có ông T trong cổ đông sáng lập V Media. Do vậy, V Media đã tạo mọi điều kiện từ ăn ở, đi lại cho đến cung cấp cho ông T một văn phòng làm việc. Như vậy không lẽ nào V Media lại gây khó dễ và không muốn làm thủ tục với Sở Kế hoạch & Đầu tư để ông T chính thức có tên là cổ đông sáng lập. Việc V Media không hoàn thành được thủ tục thay đổi giấy phép kinh doanh để ông T chính thức là cổ đông sáng lập hoàn toàn do lỗi từ phía ông T vì đã không cung cấp giấy tờ cần thiết để V Media tiến hành làm thủ tục. Khi ông T khởi kiện bà Y, V Media đã nhiều lần muốn gặp gỡ ông T để bàn bạc giải quyết những vướng mắc giữa hai bên nhưng ông T luôn tránh mặt, thậm chí thường xuyên thay đổi chỗ ở tại Việt Nam để không gặp người của V Media. Cho đến tận hôm nay V Media vẫn luôn xem ông T là cổ đông chính thức của V Media và sẵn sàng tiến hành làm thủ tục ngay để ông T làm đồng sáng lập V Media nếu ông T cung cấp các giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của cơ quan nhà nước.

Vì những lý do trên, V Media yêu cầu Tòa án xem xét và chấp nhận yêu cầu của V Media, cụ thể:

- Yêu cầu ông T cung cấp giấy tờ để V Media tiếp tục làm thủ tục để ông T chính thức trở thành cổ đông sáng lập và có quyền trong V Media như hợp đồng đã thỏa thuận.

- Ông T có thể tìm người khác để sang nhượng lại 100.000 cổ phần của ông. V Media sẵn sàng tiến hành làm thủ tục để người mà ông T ủy quyền đứng tên làm cổ đông sáng lập của V Media.

Do ông T có lỗi hoàn toàn trong việc chậm trễ làm thủ tục để ông T đứng tên chính thức là cổ đông sáng lập của V Media, nên ông T phải tự chịu hoàn toàn các thiệt hại cho bản thân.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm 617/2017/KDTM-ST ngày 09 tháng 5 năm 2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ điểm 1 khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 1 Điều 33; Điều 38 BLTTDS sửa đổi, bổ sung 2011;

- Căn cứ Điều 5; Điều 6; khoản 2 Điều 21; khoản 3 Điều 30; khoản 1 Điều 232; khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91; điểm c khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 92; Điều 95; Điều 108; khoản 1 Điều 235; Điều 243; Điều 244; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS 2015;

- Căn cứ khoản 1, khoản 6 Điều 1; Điều 2 Nghị quyết 103/2015/QH13 của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về việc thi hành Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Mục 13 Điều 4 ; Điều 12 và Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối 2005;

- Căn cứ Điều 14 Nghị định 160/2006/NĐ-CP ngày 18/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết về Pháp lệnh ngoại hối;

- Căn cứ các Điều 128, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật dân sự 2005;

- Căn cứ khoản 1 Điều 48 - Điều khoản chuyển tiếp của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ các khoản 1, 4 Điều 27; Điều 51; Mục I.1; Điểm d Mục 3 Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02.2009, có hiệu lực từ ngày 01/7/2009.

Xử :

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T Konishi:

1/ Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ký ngày 19/01/2010 giữa Công ty cổ phần truyền thông mạng V do bà Lê Hoàng Y đại diện với ông T Konishi là vô hiệu.

2/ Bác yêu cầu của ông T Konishi về việc yêu cầu Công ty Cổ phần truyền thông mạng V có trách nhiệm liên đới với bà Lê Hoàng Y trong việc hoàn trả lại tiền mua bán cổ phần theo hợp đồng mua bán cổ phần ngày 19/01/2010.

3/ Bà Lê Hoàng Y có trách nhiệm hoàn trả cho ông T Konishi tiền bán cổ phần của Công ty cổ phần truyền thông mạng V thuộc sở hữu của bà Lê Hoàng Y theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 19/01/2010, số tiền còn lại là 1.387.530.000đ (Một tỷ, ba trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi ngàn đồng).

Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông T Konishi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Hoàng Y không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nói trên, thì hàng tháng bà Lê Hoàng Y còn phải trả cho ông T Konishi tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, tính trên số tiền chưa trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/5/2017, bị đơn bà Lê Hoàng Y kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 18/5/2017, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần truyền thông mạng V kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Lê Hoàng Y và người đại diện theo ủy quyền của bà Y được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Ông Trần Bá H có đơn xin hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy đại diện bị đơn đã nhận được giấy triệu tập hợp lệ. Do đây là phiên tòa lần thứ hai, việc xin hoãn phiên tòa của đương sự không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần truyền thông mạng V và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của bà Lê Hoàng Y.

Công ty cổ phần truyền thông mạng V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong giai đoạn xét xử phúc thẩm.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Hoàng Y vắng mặt không có lý do chính đáng nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của bà Y. Bản án sơ thẩm tuyên hợp đồng vô hiệu, buộc các bên trả lại cho nhau những gì đã nhận là đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của Công ty cổ phần truyền thông mạng V là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Công ty cổ phần truyền thông mạng V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo của Công ty cổ phần truyền thông mạng V như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của Công ty cổ phần truyền thông mạng V làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Ngày 19/01/2010, ông T Konishi ký hợp đồng mua bán cổ phần với Công ty cổ phần truyền thông mạng V, nội dung ông T Konishi mua 10% cổ phần do bà Lê Hoàng Y nắm giữ, loại cổ phần phổ thông, số cổ phần 100.000, giá trị cổ phần 75.200USD. Trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng, ông

T Konishi đã chuyển vào tài khoản của bà Lê Hoàng Y mở tại Ngân hàng A 75.200USD để thanh toán.

Mặc dù, hợp đồng ngày 19/01/2010 ký kết giữa người bán là Công ty cổ phần truyền thông mạng V (đại diện theo pháp luật là bà Lê Hoàng Y) với người mua là ông T Konishi. Tuy nhiên, căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008966 đăng ký lần đầu ngày 03/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 26/9/2008 thì Công ty cổ phần truyền thông mạng V có 03 thành viên sáng lập, trong đó bà Lê Hoàng Y giữ tỷ lệ vốn góp 85%, ông Nguyễn Tổng Minh H4 giữ 10% và ông Nguyễn Hiền H1 giữ 5%, tất cả số cổ phần của Công ty cổ phần truyền thông mạng V đã có chủ sở hữu. Số cổ phần mà ông T Konishi mua thuộc quyền sở hữu của bà Lê Hoàng Y. Tại biên bản họp đại hội đồng cổ đông ngày 02/01/2010, Quyết định của Đại hội đồng ngày 25/01/2010 về việc thông báo danh sách cổ đông mới đều xác định cổ phần mà ông T Konishi có được là do nhận chuyển nhượng từ cổ phần của bà Lê Hoàng Y. Như vậy, người trực tiếp giao dịch và chuyển nhượng là bà Lê Hoàng Y, ông T Konishi thanh toán trực tiếp vào tài khoản cá nhân của bà Y.

[2.2] Việc ông T Konishi và bà Lê Hoàng Y ký hợp đồng mua bán nội dung thanh toán bằng ngoại tệ và thực tế cũng thanh toán bằng ngoại tệ số tiền 75.200USD là vi phạm Pháp lệnh ngoại hối năm 2005, Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 18/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết về Pháp lệnh ngoại hối. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hợp đồng mua bán cổ phần ngày 19/01/2010 vô hiệu là đúng quy định pháp luật.

Do hợp đồng vô hiệu nên các bên trả lại cho nhau những gì đã nhận. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Lê Hoàng Y hoàn trả lại cho ông T Konishi tiền bán cổ phần của Công ty truyền thông mạng V 1.387.530.000 đồng (tương ứng với 75.200USD) là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[2.3] Bà Lê Hoàng Y và Công ty cổ phần truyền thông mạng V kháng cáo cho rằng ông T Konishi khởi kiện không đúng đối tượng vì bên chuyển nhượng trong hợp đồng là Công ty truyền thông mạng V. Tuy nhiên, như đã phân tích ở phần trên, thực chất ông T Konishi nhận chuyển nhượng cổ phần từ bà Y và chuyển tiền trực tiếp vào tài khoản của bà Y tại ngân hàng A. Do đó, việc ông T Konishi khởi kiện yêu cầu bà Y hoàn trả tiền là đúng quy định. Bà Y và Công ty cổ phần truyền thông mạng V cho rằng việc không đăng ký tên ông T Konishi vào danh sách cổ đông là do lỗi của ông T Konishi nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần truyền thông mạng V.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận Công ty cổ phần truyền thông mạng V phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Hoàng Y.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần truyền thông mạng V. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 617/2017/KDTM-ST ngày 09/5/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ Mục 13 Điều 4 ; Điều 12 và Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối 2005;
- Căn cứ Điều 14 Nghị định 160/2006/NĐ-CP ngày 18/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết về Pháp lệnh ngoại hối;
- Căn cứ các Điều 128, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật dân sự 2005;
- Căn cứ khoản 1 Điều 48 Điều khoản chuyển tiếp của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ các khoản 1, 4 Điều 27; Điều 51; Mục I.1; Điểm d Mục 3 Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02.2009, có hiệu lực từ ngày 01/7/2009.

Xử :

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T Konishi:

1/ Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ký ngày 19/01/2010 giữa Công ty cổ phần truyền thông mạng V do bà Lê Hoàng Y đại diện với ông T Konishi là vô hiệu.

2/ Bác yêu cầu của ông T Konishi về việc yêu cầu Công ty Cổ phần truyền thông mạng V có trách nhiệm liên đới với bà Lê Hoàng Y trong việc hoàn trả lại tiền mua bán cổ phần theo hợp đồng mua bán cổ phần ngày 19/01/2010.

3/ Bà Lê Hoàng Y có trách nhiệm hoàn trả cho ông T Konishi tiền bán cổ phần của Công ty cổ phần truyền thông mạng V thuộc sở hữu của bà Lê Hoàng Y theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 19/01/2010, số tiền còn lại là 1.387.530.000 đồng (Một tỷ ba trăm tám mươi bảy triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng).

Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật

Kể từ ngày ông T Konishi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Hoàng Y không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nói trên thì hàng tháng bà Lê Hoàng Y còn phải trả cho ông T Konishi tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, tính trên số tiền chưa trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Án phí phúc thẩm: Bà Lê Hoàng Y và Công ty cổ phần truyền thông mạng V, mỗi người phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm; được khấu trừ 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp lần lượt theo biên lai thu số 0034235 ngày 19/5/2017 và 0034290 ngày 29/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Yên

Mai Thị Tú Oanh

Trần Thị Thu Thủy